

[porno](#) [porn](#)



PHẦN 1: CÁC ĐIỀU CHUNG

1. Bộ tài chính hình thức sổ kế toán, DN tự quyết định hình thức sổ phù hợp với DN (Phân loại hình thức sổ QĐ15 cho mang tính tham khảo).
2. Tất cả DN đều được dùng ngoại tệ làm đơn vị tính toán (nếu có) theo quy định của pháp luật về BCTC chuyển đổi theo VNĐ, kế toán BCTC VNĐ và sổ kế toán BCTC VNĐ là Báo cáo pháp lý (trừ các DN FDI được sổ kế toán ngoại tệ là đơn vị tính toán trong kế toán và BCTC bằng ngoại tệ được kế toán cũng là BCTC mang tính pháp lý).
3. DN tự quyết định việc ghi nhận và kinh doanh cho đơn vị hạch toán phụ thuộc là Nhà phân phối (336) hoặc Văn phòng (411).
4. DN phải ghi nhận Doanh thu, giá trị đầu chuyển số tiền phí, hàng hoá, dịch vụ nếu có của đơn vị chuyển này tạo ra giá trị gia tăng trong số tiền phí, hàng hoá, dịch vụ KHÔNG PHẢI THU C VÀO HÌNH THỨC CỐA CHẾ NG T KẾ TOÁN (Hoá đơn hay Chứng từ luân chuyển nội bộ).

PHẦN 2: HƯỚNG DẪN TÀI KHOẢN: các tài khoản TÀI SẢN không còn phân biệt nội dung, dài hạn.

1. Bộ các tài khoản

- Bộ các tài khoản: 142, 144, 223, 311, 315, 342, 415.
- Bộ các tài khoản 129, 139, 159
- Bộ các tài khoản 512, 531, 532
- Thêm tài khoản 357-Quỹ bình quân giá
- Bộ TOÀN BỘ TÀI SẢN NGOÀI BỘ NG CĐKT

2. Kế toán tiền:

- 1113: Vàng tiền tệ (trừ các đây là Vàng bạc, kim khí quý, đá quý)
- Khoản thu chi ngân hàng không được ghi âm 112 mà được phản ánh tổng hợp vay ngân hàng (341-Vay và nợ tài chính, TT 200 đã bỏ 311 và 315)
- Thay đổi cách xác định giá giao dịch thực tế trong các giao dịch ngoại tệ

- Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ: tất cả các thủ tục phân loại BCTC (không bao gồm các khoản như nợ công cụ a ngân hàng mua hoặc trả trước cho người bán

bợng ngoợi tợ, Doanh thu nhợn trợ cợ hoợc chi phí trợ trợ cợ bợng ngoợi tợ).

- Bợ sung thêm: phợi đợnh giá lợi Các khoợn cho vay, đợ tợ cợ cợ, ký cợ cợ, ký quợ đợ cợ quyợ nhợn lợi hoợc nhợn đợ tợ cợ cợ, ký cợ cợ, ký quợ bợng ngoợi tợ phợi hoợn trợ.

3. Kợ toợn đợ u tợ tợi chính

-Tợi khoợn 121-Chợng khoợn kinh doanh (trợ cợ đợy là Đợ u tợ chợng khoợn ngợn hợ n)

- Theo quyợ tợ đợnh 15/2006 thì TK 121 gợm Chợng khoợng kinh doanh và Chợng khoợn nợm giợ chợ đợo hợ n đợo i 12 tháng.

Nay Thợng tợ 200 thì TK 121 chợ là Chợng khoợng kinh doanh ;

- Chợng khoợn nợm giợ chợ đợo hợ n đợo i 12 tháng chuyợn sang TK 128
- Cợ tợ cợ bợng cợ phợ u, nhợ đợ u tợ chợ theo đợi sợ lợợng trợn thuyợ tợ minh BCTC.

-Trợợng hợp giợi thợ cợng ty con và sợp nhợp toợn bợ TS và Nợ phợi trợ cợ a cợng ty con vào cợng ty mợ, phợi ghi giợm giá trợ ghi sợ khoợn đợ u tợ; Ghi nhợn toợn bợ tợi sợ n, nợ phợi trợ cợ a cợng ty con bợ giợi thợ theo giá trợ hợp lý tợi ngợy sợp nhợp. Phợn chệnh lợ chợ giợ a giá phí khoợn đợ u tợ và giá trợ hợp lý đợ cợ ghi nhợn vào Doanh thu TC hoợc Chi phí TC.

-Viợc phân phợi lợi nhuợn cho chợ sợ hợ u tợi cợng ty mợ đợ cợ cợ cợ vào mợc LNST chợ a phân phợi thuợc sợ hợ u cợ a cợng ty mợ trợn BCTC hợp nhợt.

4. Kợ toợn hợp đợng hợp tợc kinh doanh (BCC): TT 200 nêu rợ tợ rõ vợ cợc trợợng hợp cợ a hợp đợng hợp tợc kinh doanh so vợ i QĐ 15/2006

Nợ u BCC quy đợnh cợc bệnh khợc tham gia BCC đợ cợ hợợng mợ tợ khoợn lợi nhuợn cợ đợnh mà khợng phợ thuợc vào KQKD cợ a hợp đợng, trợợng hợp này mợc đợ hợnh thợ cợ phợp lý cợ a hợp đợng là BCC nhợng bợ n chợ tợ cợ a hợp đợng là thuê tợi sợ n.=> phợi ghi nhợn theo bợ n chợ tợ là Thuê tợi sợ n

5. Đợ phợng tợ n thợ tợ tợi sợ n (TK 229, trợ cợ đợy là "Đợ phợng giợm giá đợ u tợ dợi hợ n):

Đợ phợng tợ n thợ tợ đợ u tợ vào đợ n vợ khợc: Là khoợn đợ phợng tợ n thợ tợ do DN nhợ n vợ n gợp đợ u tợ bợ lợ. Đợi vợ i khoợn đợ u tợ vào cợng ty liệnh doanh, liệnh kợ tợ, chợ trích lợ pợ khoợn đợ phợng BCTC khợng ợp đợng phợợng phợp VCSH.

6. Nguyên tợ cợ kợ toợn cợc khoợn phợi thu: nêu rợ rợng nguyên tợ cợ hợ ch toợn giợ a tợi khoợn

TSCĐ mua đợc xác đnh bợng tợng giá trợ cợa tài sỏn đợc mua trợ đợ giá trợ sỏn phỏm, thỉ t bợ, phỏ tợng thay thợ.

- Các chi phí bợo đợng, sợa chợ, duy trì cho TSCĐ hoợ t đợng bợng thợ đợng đợnh kợ đợc trích trợ cợ đợ phòng phợ i trợ -TK 352 (không sợ đợng TK 335).
- BĐS đợu tợ cho thuê hoợ t đợng phợ i trích khợ u hao; BĐSĐT nợm giợ chợ tăng giá, doanh nghiợp không trích khợ u hao mà xác đnh tợn thợ t do giợm giá trợ.
- Chợ đợu tợ xây đợng BĐS sợ đợng tài khoợ n 241 đợ tợp hợp chi phí xây đợng BĐS sợ đợng cho nhiợu mợc đợch. Khi công trờng, đợ án hoợn thành bàn giao đợa vào sợ đợng, kợ toán căn cợ cách thợc sợ đợng tài sỏn trong thợc tợ đợ kợ t chuyợn chi phí đợu tợ xây đợng phợ hợp vợ i bợn chợ tợ cợa tợng loợ i.

10. Chi phí trợ trợ cợ:

- Phợ i theo đợi chi tỉ t thợ i gian trợ trợ cợ đợ phân loợ i trợn bợng CĐKT.
- Chi phí phát hành trái phợ u không ghi nhợ n là chi phí trợ trợ cợ.

11. Thuợ TN hoợn lợ i:

- Không sợ đợng khợi niợm chệnh lợ ch vớnh viợ n.
- Đợc phép Bợ trợ trợn BCTC khi cợa cùng DN và cùng cợ quan thuợ quợ n lý.

12. Kợ toán các khoợ n nợ phợ i trợ : tợng tợ khoợ n phợ i thu

Các khoợ n thuợ gián thu nhợ thuợ GTGT (trợ c tỉ p và gián tỉ p), thuợ TTĐB, XK, BVMT và các loợ i thuợ gián thu khác phợ i loợ i trợ ra khợ i sợ liợ u vợ doanh thuợ gợp trợn BCTC hoợ c báo cáo khác.

13. Chi phí phợ i trợ :

- Phân biợ t TK 335-Chi phí phợ i trợ và 352-Đợ phòng phợ i trợ
- TK 352: không chợ c chợ n vợ mợ t thợ i gian và giá trợ; hàng hoá, đợ ch vợ chợa nhợ n.

14. Vay và nợ thuê tài chính (TK 341, bợ TK 311, 315 và gợp vào 341): không bao gợm vay đợ i hình thợc phát hành trái phợ u.

15. K toán v n ch s h u:

- Ghi nh n theo V N TH C GÓP, không ghi nh n v n góp theo v n đi u l trên gi y phép đăng ký kinh doanh.
- Xác đ nh ph n v n góp c a nhà đ u t b ng ngo i t : khi gi y phép đ u t quy đ nh v n đi u l c a DN đ c xác đ nh b ng ngo i t t ng đ ng v i m t s l ng ti n VND, vi c xác đ nh ph n v n góp c a nhà đ u t b ng ngo i t (th a, thi u, đ so v i v n đi u l) đ c căn c vào S L NG NGO I T ĐÃ TH C GÓP, không xem xét t i vi c quy đ i ngo i t ra VNĐ theo gi y phép đ u t .

16. K toán các kho n Doanh thu:

- Doanh thu và chi phí t o ra kho n doanh thu đó ph i đ c ghi nh n đ ng th i theo nguyên t c phù h p. Trong 1 s T.H p, nguyên t c phù h p có th xung đ t v i nguyên t c th n tr ng trong k toán, thì k toán ph i căn c vào b n ch t và các Chu n m c k toán đ ph n ánh giao đ ch m t cách trung th c, h p lý.
- Nh n m nh: Th i đi m, căn c đ ghi nh n doanh thu k toán và doanh thu tính thu có th khác nhau tu vào t ng tình hu ng c thu . Doanh thu tính thu ch đ c s đ ng đ xác đ nh s thu ph i n p theo lu t đ nh; Doanh thu ghi nh n trên s k toán đ l p BCTC ph i tuân th các nguyên t c k toán và tu theo t ng tr ng h p không nh t thi t ph i b ng s đã ghi trên hoá đ n bán hàng.
- N u s n ph m, HH, DV đã tiêu th t các k tr c, đ n k sau ph i gi m giá, ph i chi t kh u th ng m i, b tr l i nh ng phát sinh tr c th i đi m phát hành BCTC ph i coi đây là m t s ki n c n đi u ch nh, phát sinh sau ngày l p b ng CĐKT.

Doanh thu bán BDS c a DN là ch đ u t : nêu r t k các tr ng h p ghi nh n doanh thu.

- Chìa khoá trao tay: ghi nh n Doanh thu khi trao chìa khoá nhà, không ghi nh n doanh thu khi Khách hàng ng tr c ti n.
- T.H p khách hàng có quy n ch n nhà th u hoàn thi n n i th t: ch đ u t đ c ghi nh n Doanh thu khi bàn giao ph n thô.

Đ i v i ti n lãi ph i thu t các kho n cho vay, bán hàng tr ch m, tr góp: Doanh thu ch đ c ghi nh n khi ch c ch n thu đ c và kho n g c cho vay, n g c ph i thu không b phân lo i là quá h n c n ph i l p đ phòng.

17. K toán các kho n chi phí:

Các kho n chi phí không đ c coi là chi phí tính thu TNDN theo quy đ nh c a Lu t thu nh ng có đ y đ hoá đ n ch ng t và đã h ch toán đúng theo Ch đ k toán toán thì không đ c ghi g m chi phí k toán mà ch đ u ch nh trong quy t toán thu TNDN đ làm tăng s thu TNDN ph i n p.

PH N 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B NG CÂN Đ I K TOÁN

B sung thêm B ng CĐKT áp d ng cho DN KHÔNG ĐÁP NG GI Đ NH HO T Đ NG LIÊN T C (DN t m ng ng ho t đ ng, gi i th ...)

B sung thêm ch tiêu:

- IV. Tài s n d dang dài h n:

1. Chi phí s n xu t, kinh doanh d dang dài h n: các d án treo, m c c xanh lâu nay s ph i li t kê vào m c này.---> ch tiêu m i

- V n ch s h u:

11. LNST ch a phân ph i: tách chi ti t thành 2 ch tiêu

- LNST ch a phân ph i lu k đ n cu i k tr c.---> ch tiêu m i
- LNST ch a phân ph i k này.---> ch tiêu m i

BÁO CÁO L U CHUY N TI N T GIÁN TI P: b sung thêm/ch nh s a 1 s ch tiêu:

I. L u chuy n t ho t đ ng kinh doanh

- Lãi, l ch nh l ch TGHĐ do đánh giá i các kho n m c ti n t có g c ngo i t (tr c đây là Lãi, l ch nh l ch TGHĐ ch a th c hi n)
- Các đ u ch nh khác---> ch tiêu m i
- Tăng, g m ch ng khoán kinh doanh---> ch tiêu m i

THUY T MINH BCTC:

I. Đ c đ m ho t đ ng c a DN:

4. Chu k s n xu t, kinh doanh thông th ng---> ch tiêu m i

7. Tuyên b v kh năng so sánh thông tin trên BCTC---> ch tiêu m i

VI. Thông tin b sung cho các kho n m c trình bày trong b ng CĐKT

3. Ph i thu c a khách hàng:

c) Ph i thu c a khách hàng là các bên liên quan (chi ti t t ng đ i t ng)---> ch tiêu m i

5. Tài sợn thiợu chợ xợ lý (Chi tiợ tợng loợi tài sợn thiợu)---> chợ tiợu mợi

6. Nợ xợu---> chợ tiợu mợi

8. Tài sợn dợ dang dài hợ: dợ án treo, công trờ chợ mợi nợ đợ cợ mợc hoang phợi thuyợ tợ minh vào đây---> chợ tiợu mợi

15. Vay và nợ thuê tài chính---> chợ tiợu mợi

Sợ có khợ năng trợ nợ ::

Thuyợ tợ minh chi tiợ tợ các khoợn vay và nợ thuê TC đợi vợi các bên liên quan.

16. Phợi trợ ngợợi bán:

Sợ có khợ năng trợ nợ ---> chợ tiợu mợi

Phợi trợ ngợợi bán là các bên liên quan (chi tiợ tợng đợi tợợng)---> chợ tiợu mợi

17. Thuợ và các khoợn phợi nợ p nhợ nợợc:

Sợ đã thợc nợ p trong năm---> chợ tiợu mợi

20. Doanh thu chợ a thợc hiợ n

Doanh thu nhợ n trợợc---> chợ tiợu mợi

Khợ năng không thợc hiợ n đợợc hợ p đợợng vợi khách hàng (chi tiợ tợng khoợn mợc, lý do không có khợ năng thợc hiợ n)---> chợ tiợu mợi

VII.Thợng tin bợ sung cho các khoợn mợc trờ bày trong Báo cáo KQKD:

1. Tợng doanh thu BH & CCDV:

c) Trợợng hợ p ghi nhợ n doanh thu cho thuê tài sợn là tợng sợ tiợ n nhợ n trợợc, DN phợi thuyợ tợ minh thêm đợ so sánh sợ khác biợ tợ giợ a vợ cợ ghi nhợ n doanh thu theo phợợng pháp phân bợ đợ n theo thợi gian cho thuê; Khợ năng suy giợ mợ i nhuợ n và luợng tiợ n trong tợợng lai do đã ghi nhợ n doanh thu đợi vợi toàn bợ sợ tiợ n nhợ n trợợc.----> cung cợp thợng tin cho nhợ đợu tợ đợ đánh giá EPS cợ a DN.

9. Chi phí sợn xuợ t, kinh doanh theo yợu tợ : Hợợng đợ n rõ tài khoợ n đợ lợy chi phí bao gợ mợ cợ GDKT và KQKD.

Nguợ n : danketoan.com